

24 NĂM SAU.

NGƯỜI ĐÀN BÀ TRONG CĂN PHÒNG “NHỮNG-NGƯỜI-TRĂM-NĂM-CŨ”

(Bài viết của **Phạm Thái Chung**, đăng lần đầu trên Văn Uyển
Mùa Đông 1999 do TTBG chủ trương).

I.

Điều thuốc trong đêm lóe lên ánh lửa không đủ soi sáng khuôn mặt người đàn bà đang cúi xuống trên thân hình hơi đổ về phía trước. Đêm thật yên tĩnh. Tôi nhìn người đàn bà thật cô đơn trong nỗi quạnh hiu của một kiếp người, lòng bỗng dung chùng xuống. Bây giờ đang là hai giờ khuya ngày 1 tháng 6/1999. (Ban chiều, từ Santa Ana, tôi lái xe hơn 5 tiếng đồng hồ để đến đây). Tôi đã ăn chút ăn khuya, uống chút rượu mạnh dọn lên từ đôi bàn tay chỉ để đánh đàn và làm văn chương của một người đàn bà mà cuộc đời đã được trải dài theo từ những thăng trầm này tới những truân chuyên nọ. Người đàn bà đó đang ngồi trước mặt tôi; người mà tôi đã tìm đến như một thứ định mệnh nghiệt ngã. Hai mươi lăm năm trước, mối tình đem theo cả một thời xuân sắc phủ kín vùng trời mù sương Dalat; hai mươi lăm năm sau, từ căn phòng của “những-người-trăm-năm-cũ”, một chuỗi dài những hệ lụy làm oằn đôi vai đã được để lại sau lưng.

Ấu cũng là cái số! Ấu cũng là cái giá mà người đàn bà tài hoa đã phải trả bằng chính những tàn phai của đời mình.

[Câu chuyện được bắt đầu vào buổi chiều ngày 12 tháng 4/1999. Giọng nói từ bên kia đầu dây sau những hồi chuông reo là của một phụ nữ; âm thanh tươi vui trong tiếng cười vỡ vụn cho tôi cảm giác thấy cái trong sáng của người đang đối thoại. Cuộc trò chuyện khởi đi từ 5 giờ 30 chiều, kéo dài gần hai tiếng đồng hồ sau đó. Và chính từ lần trò chuyện đầu tiên, tôi đã mang ý nghĩ khai quật lên từ đáy vực thời gian cuộc đời trầm luân của một người đàn bà mà những chất chồng đến hệ lụy, những thống khổ đến tận cùng đã soi sáng được cái gọi là “mệnh bạc”, điều được kể là “tài hoa”.

Người đàn bà đó là Trần Thị Thu Vân trên những mối tình 8 tháng, 6 tháng. Là TTBG trong cuộc sống chồng vợ 9 năm. Là

*nỗi oan khiên trong Trân Sa. Là cánh chim bay bổng theo
Tiếng Gõ Cửa Định Mệnh, tác phẩm cuối đời.]*

Định mệnh không phải gỡ cửa từ những cuộc tình 8 tháng của Dalat, 6 tháng của Sài Gòn thôi, mà chính là đã lên tiếng từ những ngày bắt đầu làm vợ ở tuổi 22. Nhưng, bài viết này sẽ chỉ khởi đi từ lần đầu trở về Dalat năm 1993, bữa thứ nhì, ngày 29 tháng Một. Tôi vẫn thường nói với Thu Vân, trong những tác phẩm của cô, đoạn cuối Một Truyện Dài Không Có Tên tập I được tôi ưng ý nhất. Đó là lần tái ngộ của những người bạn một thời xẻ chia khổ đau hoạn nạn; là lần gặp lại của hai người tình cũ mà nỗi xót xa là những đòi đoạn không rời.

[Chỉ một chút mơ hồ nhận ra đôi ngón lệ từ khóe mắt Mỹ Vân vào một chiều Dalat nhuộm vàng những vạt nắng cuối cùng, Thu Vân đã phần nào trang trải tâm sự của chính mình khi cất lên lời khuyên với cô học trò cũ: “Phải, hiện tại mới là quan trọng. Người thật sự đang cần em là chồng và các đứa con em, chứ không phải tấm lòng của người tình cũ gửi về từ một vùng trời rất xa ngoài quê hương.”¹

Có ai không nghĩ rằng Thu Vân đang tự nói với chính mình? Có ai không cho rằng đây là một cách bày tỏ để lòng chẳng hổ với lòng, để lương tâm đừng cắn rứt? Bằng không, gót chân phiêu lãng sau 18 năm bỏ quê hương ra đi, ngày trở lại sao vẫn bước những bước mộng du tìm về Dalat, đất cũ người xưa, mười mấy năm qua như nỗi nhớ ngàn đời không khuấy khỏa?

Với dĩ vãng, nhớ đã là một sự khó, nhưng quên lại càng là điều thiên nan vạn nan. “Tiếng dương cầm nào từng đưa cao tiếng đàn tôi vào vùng âm thanh kỷ ức? Cuộc tình nào từng một thời lùa những dòng nước mắt chảy ngược về tim? Tôi đang cố quên, hay đang gọi nhớ?” Đó là những điều mà trong bài viết, Thu Vân đã tự hỏi với lòng.]

Người đàn bà này suốt đời hầu như chỉ làm một điều duy nhất là **“tự hỏi”**. Tự hỏi về những đày đọa của hai mươi năm trời luân lạc, tự hỏi về những đau xót nhận lãnh trong các cuộc tình đã qua, tự hỏi trên hai lần sống đời chồng vợ, và tự hỏi cho chính nỗi cô đơn nằm chết ngay giữa tâm hồn.

Một lần, trong chuyến lên San Jose, tôi đã nói với Thu Vân:

“Đọc sách cô, rồi trò chuyện với cô, tôi đã đo lường được cái độ mong manh của tâm hồn cô. Bây giờ đối diện, điều mong manh này càng thêm rõ nét.”

¹ Lấy ý văn từ MTDKCT I của TTBG, NXB Văn Uyển 1994.

Thu Vân tỏ ra không hiểu.

Tôi giải thích:

“Chỉ văn chương là điều cô không thể bỏ, ngoài ra, tôi nghĩ, tất cả vẫn được cô sẵn sàng buông rơi.”

Thu Vân chỉ mỉm cười.

Nhưng rồi sau đó, nhiều lần cô tâm sự về người chồng mà cô đã hết lòng níu kéo cho đứa con nhỏ đang cần đến một tình cha, cho chính người đàn ông đã từng một thuở đầu ấp tay gối đùm bọc để tự đánh mất bản thể. Tuy nhiên, khi nhận thấy rằng tất cả đã ra ngoài tầm tay nắm bắt, lòng cô lại vô cùng thanh thản, tiếp tục với *văn chương*, “*người bạn sẽ không bao giờ bỏ rơi*” cô. Cô cũng nói về người mẹ cả cuộc đời đã trần trở theo cô trên những bước chân phiêu lãng, người mà cô cầu mong rằng sẽ sống những ngày còn lại trong sự săn sóc và chia sẻ của mình. Người mẹ ấy cuối cùng cũng bỏ ra đi theo nỗi nhớ thương cho các người con khác...

Những điều tâm sự thật đơn giản. Khuôn mặt cô hằn nét chịu đựng đến phải xót xa cho người nghe. Từ cái nhìn này, tôi bỗng dưng cảm nhận được nỗi cô đơn khủng khiếp giữa trái tim người đàn bà đam mê cuồng nhiệt trong tình yêu, văn chương, nghệ thuật, nhưng lại có sức gánh nhận phi thường ngoài cuộc sống.

Hãy thử tưởng tượng, một người đàn bà thân hình mỏng manh, mười mấy năm cư trú trên đất Mỹ mà không một lần ngồi trước tay lái, chưa một lần ký tẩm chi phiếu thanh toán những khoản chi thu hằng tháng; hãy thử tưởng tượng một người đàn bà, đời sống bảy năm là sự tùy thuộc vào người chồng như một điểm tựa, bên người mẹ như một nỗi an ủi hằng ngày, nay bỗng dưng cả hai cùng một lúc bay bổng, để một mình ở lại với sự hụt hẫng... Chỉ tưởng tượng thôi, tôi đã thấy được rõ ràng những khó khăn chắt chùng trên đôi vai người đàn bà luôn có cái nhìn lãng đãng ơ hờ vào thực tế chung quanh. Tuy nhiên, theo cô, nhờ ơn trên, mọi sự rồi cũng qua hết.

Phải, mọi chuyện rồi cũng vẫn qua đi, không như lời phán đoán cay nghiệt của một người bạn cũ khi cuộc hôn nhân bảy năm đổ vỡ.² Và tôi vẫn thường tự hỏi, cái giá nào mà cô phải trả cho sự “tạm gọi là” ổn định bây giờ?

*[Sự thềm muốn ổn định khởi đi từ hai mươi lăm năm trước:
“Một cánh chim đã quen vẫy vùng phiêu bạt như em mà lại có
lúc tự ý nép mình trong chiếc lồng sắt đầy những chông gai*

² Nguyễn Dũng lại cười hô hô: “Giữa đám đông lúc này, em nghe anh Trần Quảng Nam nói: “Một người như bà Thu Vân, ở Mỹ mà không biết lái xe, không biết ký check, không biết tính toán bất cứ thứ gì trong cuộc đời thực tế, ngoài chuyện viết văn, dạy đàn và sống trong cái tháp ngà văn chương âm nhạc của bà, bị Trần Nghi Hoàng chơi cú bỏ rơi này thì chỉ có nước dắt con bé Áu Cơ đi về VN mà ăn mày! Thua cả tên Đặng Lạt ít ra còn rành tất cả các đường xe buýt!” (Nhật Nguyệt Buồn Như Nhau tập II, tự truyện TTBG, trang 162, NXB Văn Uyển tháng 10/1996).

ghê gớm. Thời gian tháng 4/1975 dài như một thế kỷ ấy, em bằng lòng một cách buồn bã đối diện với định mệnh đắng cay để chỉ mong nhận lấy một tình yêu và một đam mê.” (MTDKCT I, 435). “Em đã sống đầy đủ trọn vẹn cho những gì mình lựa chọn, sống trên những khổ đau dằn vặt của tâm hồn mình và trong sự đầy đọa độc ác nhất của nhân thế.” (MTDKCT I, 438).

Nhưng cái giá phải trả cũng thật là ghê gớm: “Trong nhật ký viết thời gian ấy, em nhớ đã ghi nơi đầu trang nhất câu này: ‘J’ai perdu plus que je ne possédais!’ Em đã mất nhiều hơn đã được. Em đã gãy cánh nửa chừng trong việc bay tìm hạnh phúc. Trái tim em bị thương trầm trọng theo nỗi tan nát đam mê mà với hoàn cảnh hiện tại khi ấy, chẳng một ai có thể làm lành được, ngay cả người mẹ đang ngóng chờ ngày đêm bước chân trở lại của em.” (MTDKCT I, 436).]

Buổi sớm tinh giãc, ngày 2 tháng 6, lúc 4 giờ sáng. Tôi nằm yên trên sofa, nhìn rộng căn phòng đầy bóng tối. Người đàn bà trong *Tiếng Gõ Của Định Mệnh* đang làm việc dưới vùng ánh sáng hắt hiu của ngọn đèn được kéo sụp xuống. Đối diện bàn viết là cái giường có đứa con gái nhỏ đang yên ngủ. Cũng cái lưng hơi đổ về phía trước, cũng cái đầu hơi cúi xuống thật hờ hững; nỗi xót xa nào chợt òa vỡ làm tôi xúc động đến nghẹn ngào.

Căn phòng không một chút sinh khí, rộng khoảng 120m², chia thành hai gian bởi một cái lò sưởi đốt củi. Các mặt tường đầy kín những sách. Ba cây đàn dương cầm nằm ba phía. Năm bảy bức tranh sơn dầu dựng trên giá hoặc trong các góc. Các bức tượng nghệ thuật bằng đồng đứng rải rác mỗi chiếc một nơi. Ở đó, người mẹ sống như những kéo dài đời sống văn chương, âm nhạc; đứa con gái 11 tuổi thui thui chập chờn như một cái bóng. Ở đó, hai mẹ con ngày lại ngày nương tựa vào nhau, vừa như thách đố, lại cũng vừa như chịu đựng trên mọi nỗi thống khổ cùng những đày đọa của một kiếp người.

Bây giờ, mỗi lúc tôi mỗi nhận chân ra nhiều mặt trong đời sống của người đàn bà rất nghệ sĩ này. Suốt 49 ngày, thời gian chưa gặp nhau kể từ 12/4, chúng tôi đã chuyện trò nhiều nỗi. Lúc nào cũng những tiếng cười vỡ vụn của một sự trong sáng, lúc nào cũng giọng nói nồng nhiệt của một nỗi đam mê, cô hân hoan tìm lại những ngày sống của người con gái bước những bước chân đầu đời, không ứ đọng, không dằn hắt như một lần trở về, đêm thứ nhì ở Dalat.

[Hai tấm vé xe đò Nha Trang ngày mai sớm cho hai mẹ con đã nằm sẵn trong túi mà lòng vẫn nghe bồi hồi ray rít. Mới chỉ là Cao Quang Ngô cùng quán rượu và phố chợ cũ. Chưa gặp Triệu Trung Tiên, chưa gặp PhùngKim Ngọc, sao kỷ niệm xưa đã như bóng ma dĩ vãng trở về trùng trùng phủ kín đêm lạnh Dalat? Thôi thúc nào mong nhìn lại người tình của một thời 8

tháng? Oan nghiệt nào như còn đeo đẳng làm nhẹ nghĩa phu thê? Nỗi dày vò, đồng lúc với sự nhận rõ những hóc trống quan ngại trong hôn đã khiến Thu Vân rời rã. Nhưng, phải thật như thế không? Hay chính cái nhìn rõ ràng này là một sự chối bỏ, để từ đó cô mới tự hỏi lòng “Có thể nào (cô) không chờ đợi biết tin hay gặp mặt” người tình cũ, như lời đã khẳng định cùng chồng lúc ban tối?]

Trong một lá thư gửi cho tôi những ngày mới quen, người con gái của mối tình Dalat năm xưa đã viết:

“Đọc sách em, có lẽ anh cũng biết em là người rất chí tình. Ở với chồng con thì tận tụy với chồng con, có người yêu thì chí tình với người yêu, chơi với bạn lại cũng hết lòng cùng bạn. Nhưng con người thường ưa điều giả dối, cả chồng con và người yêu mình cũng thế. Nên, làm sao họ có thể chịu đựng nổi sự chí tình của em? *Chính họ bút ra khỏi cái chí tình ấy. Họ đào thải họ khỏi em chứ chẳng bao giờ em đào thải họ.*”

Viết, mà như đang chuyện trò kể lể. Viết, mà như đang tâm sự cùng một người thân về những cay đắng của đời mình. Kiếp người, nếu được ví như sự trải dài của những canh bài định mệnh thì cô luôn luôn là kẻ cháy túi khi rũ áo rời chiếu bạc. Từ những tháng năm qua, cô không có lấy một người bạn để tâm sự. Suốt chuỗi dài quá khứ, tay mang ngọn đuốc đi khắp nhân gian, cô vẫn không thể tìm ra một kẻ tri âm. Ước vọng lớn nhất chỉ là mong bắt gặp một mẫu Narziss cảm nhận và yêu quý chân thành cái bản chất Goldmund trong cô, phiêu bạt, ngạo mạn (y hết bản chất nhân vật chính trong tác phẩm *Narzissus & Goldmund* của Hermann Hesse, nhà văn Đức lừng danh thời hậu đệ nhị thế chiến.)

Sinh ra đời như để chấp hành vai trò của một nghệ sĩ, lại thêm đọc sách quá nhiều từ thuở thiếu niên, cuộc sống nội tâm cô luôn bị giằng co cùng một lúc bởi hai bản thể: Với âm nhạc, cô sôi nổi đắm mê vào những chuyến đi lớn, nhỏ. Sân ga, bến đợi là những điều ám ảnh cùng nỗi nhớ khôn nguôi. Về mặt văn chương, cô tự tạo cho mình một cõi riêng để trú ẩn khỏi những phiền lụy của con người, quên đi những phũ phàng sự thật. Với cô, đó là một thế giới hoàn mỹ. Vì vậy, khi va chạm thực tế, cô luôn có khuynh hướng co mình rút vào trong ấy. Phản ứng thường xuyên này đã tạo thành một thói quen thân ái. Và, căn phòng của “những-người-trăm-năm-cũ” mặc nhiên là chốn náu nương an ổn cho một kẻ chạy trốn cuộc đời.

Kinh ngạc đến tột cùng khi lần đầu tôi gặp cô ở San Jose. Nhìn cô, tôi tự hỏi: *“Người đàn bà này có thể nào lại là tác giả của những tập Truyện Dài Không Tên? Có thể nào cô lại là người từng một thời làm nổ tung dư luận giới văn chương hải ngoại?”*

Ở cô toát ra một nét gì thật là nghệ sĩ; nghệ sĩ từ bàn tay kẻ ly rượu bờ môi, nghệ sĩ từ điều thuốc giữa hai ngón tay không kiêu cợ.

Và đúng như “sự chí tình” đã kể với tôi, rõ ràng trong tất cả mọi hoàn cảnh giao tiếp, cô đều sống rất chí tình, nổi đam mê trải dài theo sự trong sáng của một tâm hồn nghệ sĩ. Cô tha thiết trên từng cốc rượu bạn bè già biệt lúc tàn canh, cô say mê từng ly *café* mỗi lượt đi về nơi quán lạnh, góc bến xe đỗ. Tuy nhiên, niềm đau khổ cực kỳ trong cô lại khởi sinh từ chính nỗi hụt hẫng nhận ra bất ngờ trên những đam mê cuồng nhiệt đó.

Cuộc đời vốn đã vô thường. Cuộc đời cô lại nổi trôi biền biệt. Từng cuộc tình đi qua là từng dấu vết thống khổ lưu lại trong trái tim nhạy cảm vẫn thường xuyên rỉ máu. Từng người bạn trong đời là từng chuỗi dài kỷ niệm bất hạnh mà cô phải cu rư mang. Giờ đây, hồi tưởng mấy mươi năm quá khứ, chuyện yêu đương chỉ còn là nụ cười héo hắt, nghĩa bằng hữu như những quán trọ bỏ lại dọc đường. Trong tay cô chẳng còn gì ngoài chút âm nhạc làm duyên, chút văn chương làm nghiệp. Người đàn bà đó sau hai mươi lăm năm lặn lội, cuối cùng nhận ra bên mình chỉ còn mỗi hai người bạn trung thành bám đeo như hình với bóng, “*Nỗi Cô Đơn và Tư Tưởng Tự Tử*” như một tìm đến cho sự giải thoát tâm hồn khỏi những hệ lụy cuộc đời.

[Thoảng bắt gặp quãng đời năm cũ trên những luồng sóng âm thanh đã từng một thời làm cho trái tim say mê ngưỡng mộ, thoảng bắt gặp những mơ màng đầy tinh chất thơ của Dalat trong trí tưởng thời tuổi nhỏ xa xưa, lòng Thu Vân bỗng dựng dậy lên hình ảnh “những đêm cực kỳ đau đớn vì mối tình đã vỡ, vì đối diện chiến tranh, đối diện với những nỗi nát tan ghé góm trong lòng khi ảo ảnh trên truông hiện nguyên hình xấu xa của nó...”] (MTDKCT I, 422).

Suốt thời tuổi trẻ, cô đã như cánh chim bay không môi, lẩy trời cao làm nhà, lẩy trăng sao làm bạn, lẩy âm nhạc làm lẽ sống. Người con gái chấp nhận tình yêu (và tình bạn) như một thứ định mệnh nghiệt ngã cuối cùng cũng xếp đôi cánh mỏng trong không gian chật hẹp của Dalat theo với nỗi đau và những ám ảnh. Trong cuộc tình 8 tháng, tiếng khóc âm thầm đã thường xuyên thay thế cho giọng cười vỡ vụn; tủi nhục ê chề không ngớt sói mòn hạnh phúc mong manh.

Một đêm, cũng trong chuyến lên San Jose, nơi thềm cửa sau, trăng sáng vàng vạc, tôi đã được cô kể cho nghe bằng giọng nói lúc từ từ hồ hững, khi sôi nổi đặng cay về những đau đớn riêng tư thời gian Dalat đi tản. Qua những nhục nhằn đã nhiều ngày tháng cu rư mang, qua những ê chề đang muốn cùng tôi chia xẻ, tôi vẫn không nghe thấy một lời chê trách cho người đàn bà vì lòng ghen mà biến thành cay độc, chẳng một tiếng oán hờn trên người đàn ông vì tình yêu quá độ mà trở nên ích kỷ nhỏ nhen. Cô thân nhiên nhận lãnh trách nhiệm trong cuộc tình đổ vỡ bằng nét mặt thật nhiều kiêu hãnh; nói lên sự bỏ ra đi bằng phong thái của người đàn bà tự trọng, thủy chung.

*[Là mẫu người luôn cur mang một định mệnh muôn màng toi
tả, bằng khí chất hào sảng của một kẻ quyết tâm tới cùng
trong mọi cuộc chơi, Thu Vân đã vượt qua trên những quay
cuồng cùng biết bao thống khổ để chỉ mong bảo vệ cuộc tình,
mong giữ lại âm nhạc như một bảo vật trân quý.]*
(Lấy ý văn từ MTDKCT I, tr. 432).

Trong câu chuyện, khi đề cập đến tấm vé máy bay bị xé vụn và để rơi trên triền dốc Ngọc Lan một buổi sáng sương mù thời gian Dalat di tản, tôi có hỏi Thu Vân:

“Cô ở lại Dalat những ngày dồn dập bằng thái độ của một kẻ sẵn sàng chấp nhận tất cả, vậy lý do nào khiến cô sau đó thân nhiên bỏ anh Ngọc ra đi?”

Thu Vân im lặng. Dưới ánh sáng trắng vắng vặc, trông cô như co người sợ hãi. Mãi lâu cô bật lên câu tự trách:

“Nông nổi chỉ lại em! Những lần xuống phố của em đã tạo ra trong lòng anh ấy một nỗi nhục nhã ngay trước mặt vợ con thời gian quay cuồng đó.”

Và, những lời đui xua tàn nhẫn của người đàn ông cô yêu, trong căn phòng lộng gió vào một buổi chiều tháng Ba, năm từ bỏ Dalat, đã được kể ra bằng giọng nói bụi ngùi xúc cảm. Những lời đã làm trái tim cô tan nát. Sự quay lưng khỏi cuộc đời con người đã được cô đánh đổi bằng tất cả đam mê tự do trong thời tuổi trẻ cũng từ đó khởi đi:

“Buổi chiều ấy, em nhớ thật rõ.

Dalat trời mưa lê thê. Trong căn phòng lộng gió nằm khuất lẩn nơi hè sau của ngôi biệt thự số 35 đường Nguyễn Hoàng, có sự chứng kiến của người đàn bà và các đứa nhỏ, em ngồi trước anh ấy, run rẩy nhỏ bé, nghe anh ấy nói: *‘Anh yêu em, tôn vinh em và quyết tâm từ bỏ tất cả để được làm chồng em. Nhưng không phải anh lấy vợ về để làm đi. Vậy, em tự xét lại em đi. Em là đứa vô liêm sỉ. Từ nay nếu có cần, em cứ đi tìm tụi thằng Ngô, thằng Cương hay thằng Tàu gù lưng! Ngay đến một thằng đàn ông tàng tật, em cũng chẳng buông tha nữa!’*

Im lặng lúc lâu...

Giọng cô trở nên ngân ngai:

“Em hiểu, tất cả đều do lòng ghen mà ra. Nhưng, có một câu. Một câu nát lòng anh ấy đã nói như quật vào mặt mà em vẫn thường trốn chạy bất cứ lần nào gọi nhớ chuyện cũ:

‘Em đừng bao giờ mong anh ra đi lần nữa. Cuộc sống anh là đây, trong ngôi nhà này. Anh đã bỏ tất cả để được có em, nhưng em cũng chà đạp tất cả để phải mất anh. Vậy thì sự ra đi lần này chỉ là em đơn độc!’

Khuôn mặt cô chùng xuống trong một nỗi buồn, nhưng giọng điệu vẫn đều đều, không lộ chút gì than oán:

“Khi ấy, lời hứa *‘đưa em về sống trên phố thị nếu ngày nào Dalat yên ổn’* hiện ra trong óc. Em biết đó sẽ là điều không bao giờ còn

được thực hiện. Tấm tình rộng lớn trong em đã vỡ. Vì vậy mà em bỏ ra đi.”

Phải nói rằng rất sòng phẳng trong tình yêu, khi đến, Thu Vân đã đem theo tất cả nhiệt tình của người con gái sinh ra đời chỉ để đánh đàn, yêu đương và rong chơi ngày tháng. Lúc đi, cô bỏ lại sau lưng tất cả những hệ lụy, không hối tiếc, chẳng thờ than. Cuộc gặp gỡ với Phùng Kim Ngọc sau 18 năm xa cách là một chứng minh hùng hồn nhất.

[Chỉ cần 35 phút cuối cùng trong tiệc rượu hội ngộ đêm thứ nhì trở về Dalat, năm 1993, ngày 29 tháng Một, Thu Vân đã tỏ bày được tất cả tâm hồn trong sáng của người đàn bà đang đối diện với người tình xưa cùng những kỷ niệm của chuỗi ngày bi thảm cũ: “Tôi nghĩ nhanh đến hình ảnh ê chề buồn nản của một con người đơn độc đứng trước buổi tiệc đã tàn sau một đêm vui dữ dội... Ôi! Tại sao tôi lại tưởng ra điều ấy? Cuộc tiệc này đã được chấm dứt từ 18 năm trước chứ nào đợi đến bây giờ?”] (MTDKCT I, 443).

Tôi vẫn thường tự hỏi, yếu tố nào đã tạo nên cái khốc liệt trong cuộc tình 8 tháng Dalat? Câu trả lời khởi đi từ hai điểm đối nghịch nhau như một thứ định mệnh nghiệt ngã: “*Sự quyện lẫn của hai người tình trong cùng một đam mê âm nhạc*”, và “*Lòng ghen ghê gớm của người vợ như cái bóng đè nặng ngày đêm, làm khơi dậy bản chất quật cường của Thu Vân*”.

Thật vậy, trước những săn đuổi không ngừng của người vợ, trước nhiều trận đòn ghen tàn ác, Thu Vân vẫn chịu đựng kiên trì, không tỏ ra kiêu căng, chẳng phôi bày khiếp nhục. Tại sao như thế? Lời đáp rõ ràng: “*Vượt cao hơn cả tình yêu chính là nỗi đam mê âm nhạc đã cuốn hút hai người tình theo sự quyết tâm đi tới trên những khốc liệt dồn dập đưa đến từng lúc trong cuộc yêu đương đầy nước mắt xót xa.*”

Nếu bảo rằng tiếng dương cầm của Phùng Kim Ngọc đã nâng cao ngón đàn Thu Vân lên tới đỉnh cuối, thì chắc chẳng ai có thể phủ nhận, cũng từ tiếng *violon* của Thu Vân mà nét tài hoa của Phùng Kim Ngọc đã phát tiết đến độ phóng cao nhất. Nhưng, nếu bảo tình yêu làm tan băng giá suốt 8 tháng của vùng trời sương lạnh gió hú, thì khi âm nhạc không còn là *tụ điểm* với bất, có điều gì cầm giữ được *gót chân phiêu lãng* của người con gái nghệ sĩ kia? Sự rũ áo ra đi một cách quyết liệt sau khi đã quyết liệt xé đôi tâm vế máy bay để ở lại Dalat những ngày ly loạn là một chứng minh hùng hồn cho điều ở trên vừa viết.

Lại phải nói rằng:

“Áu cũng là cái số, âu cũng là cái giá mà người đàn bà tài hoa đã phải trả bằng chính sự tàn phai của đời mình!”

Điều duy nhất nếu có thể làm để kết thúc câu chuyện hai người tình cũ trong lần tái ngộ tại Dalat, tháng 1/ 1993, người viết xin được tạm thời kết luận:

“Bên cạnh cái dư âm bàng bạc của mỗi tình đắm say dĩ vãng, bên cạnh tình bạn đã cùng một thời chia ngọt xẻ bùi với nhau, Thu Vân còn cuu mang vai trò một người vợ trong hiện tại. Để trải bày cái tâm trong sáng cùng tấm lòng đôn hậu của người nghệ sĩ như một nguyên tắc cho đời sống mẫu mực, cô đã tự tay đóng những trang tình sử. Sự đóng này không phải khởi đi từ 18 năm trước, mà chính ở lúc 5 giờ 15 phút sáng ngày 30/1 tại thành phố mù sương.”

[“*Ôm mặt khóc rung rúc*

Ra đi là hết rồi!”

Đình đã ghim sẵn. Chín nhất búa cuối cùng gõ đều trên chiếc áo quan, tàn nhẫn, lạnh lùng như những Tiếng Gõ Của Định Mệnh. Mỗi tình xưa cùng thứ hạnh phúc đọa đầy được vùi sâu trong mộ huyệt: “Khi ấy đúng năm giờ ba mươi phút sáng!”]

II.

Tôi bỏ Dalat ra đi vào những năm cuối của thập niên 50. Gần bốn năm trời sống đời phiêu bạt tại một thị trấn vùng núi, Dalat trong trí nhớ tôi là những buổi sáng mù sương, mặt trời lên trễ; những đêm trở gió, tiếng thông reo như tiếng réo gọi từ một tiền kiếp nào thật đã rất xa. Dalat của tôi cũng biểu tượng là những sáng quán phở Bằng, những đêm *café* Kinh Đô; (*café* Tùng khi ấy còn trụ trong dãy *kiosque* gần bờ hồ Xuân Hương, đối diện rạp hát Ngọc Lan), mà không là ánh đèn vũ trường huyền ảo, cũng chẳng đàn ca rộn rã, lại càng không là những quán ăn khi đã tàn cuộc nhảy nửa khuya.

Tôi là một kẻ rất dốt âm nhạc và không biết nhảy, dù rằng suốt gần 7 năm trời Sài Gòn của thập niên 60, đêm đêm tôi vẫn theo lũ bạn, tìm tới một *dancing* trên đường Trần Hưng Đạo, ngồi một mình uống rượu, ngắm nhìn ban nhạc thu nhỏ nơi góc phòng dưới làn ánh sáng chập chờn. Ở đó có người đàn ông Tàu lai đầy từng tiếng đại hồ cầm rời rạc vào vũng âm thanh buồn bã. Ở đó có người con gái kéo vĩ cầm, vóc dáng như một thân cây nghiêng đổ, mái tóc dài phủ che một góc mặt, trông thật man dại mơ hồ.

Cả đời, tôi chỉ thưởng thức âm nhạc bằng chính sự rung động của tâm hồn. Trái tim tôi nhiều lần trĩu nặng khi nghe tiếng đàn nào đem theo kỷ niệm của một thời tuổi trẻ, bài nhạc nào làm sống dậy ký ức những ngày đã qua. Tôi yêu giọng hát người đàn bà làm thành danh *Người Đi Qua Đời Tôi*, *Nghìn Trùng Xa Cách*. Từng đêm, ngồi ở vũ trường Ritz, tôi vẫn chờ nghe một tiếng ca nữ hát bản *Ngâm Ngùi*. Nhưng, nghe một mình, bằng tiếng *violon* và tiếng *piano* phụ đệm thì chỉ một lần duy nhất: Đêm cuối tháng 8 San Jose, trong căn phòng “*những-người-trăm-năm-cũ*”.

Nguyễn Dũng ngồi trước chiếc dương cầm kê giữa phòng khách, Thu Vân đang trải dài những bước nhẹ trong khoảng sáng hắt ra từ những ngọn đèn lung linh. Bên ngoài, bóng đen trùm lấp. Bên trong, âm thanh *Bàn Tay Dữ Vãng* thiết tha vang dội từ cây vĩ cầm trong mười ngón của Thu Vân. (Tôi nhớ lại ban chiều, trong cuộc rượu ba người, đề cập đến Trần Quảng Nam, Thu Vân đã nồng nhiệt ca tụng một tài hoa âm nhạc hải ngoại. Nhìn nét mặt sôi nổi và lắng nghe những lời phân tích theo những *note* phá cách trong các ca khúc Trần Quảng Nam, tôi đã tự hỏi, lý do nào khiến cho hai người bạn cũ từng rất thân thiết với nhau lại có thể quay lưng trước nhau một cách đùng đùng như hiện tại?)

[Trong suốt 5 tháng qua, chúng tôi chỉ bàn luận chuyện văn chương chia xẻ mà không là âm nhạc. Một đêm, từ đầu dây Santa Ana, tôi áp điện thoại sát vào cái loa máy hát, mở cho Thu Vân nghe bài Chiều Phủ Tây Hồ. Đầu dây kia, đáp lại, cô phân tích kỹ càng những kỹ thuật nào theo cái thắc mắc tôi cho là “rất lạ trong bản nhạc”. Thế rồi, miên man suốt buổi, từ Phạm Duy đến Trịnh Công Sơn, từ Đặng Thế Phong đến Cung Tiến, từ Phạm Đình Chương đến Trần Quảng Nam... cô hát nhẹ những bài tiêu biểu và đưa ra những nhận xét riêng bằng giọng nói nồng nhiệt, mà với tôi, đầy tính thuyết phục. Từ đôi tiếng thở dài rất nhẹ bên kia đầu dây, tôi cảm ra những hồi tưởng về năm năm Nước Chảy Qua Cầu, về những buổi khuya Dalat khi vũ trường đã ngưng điệu nhảy, những điều đang dày vò trái tim người đàn bà nghệ sĩ. Cả ngày hôm sau, cô ủ rũ, chuyện trò với tôi như một kẻ không hồn. Nhắc lại kỷ niệm trên, tôi chỉ muốn trình bày cho thấy con người âm nhạc của Thu Vân là như vậy. Với Thu Vân, âm nhạc là mạch máu và một phần đời sống. Trong một lúc, tôi càng nhận chân ra cái mật thiết mà cô đã trao gửi cho mỗi tình Dalat năm xưa.]

Tôi tiếp thêm rượu vào hai chiếc cốc mỏng đặt trên nắp dương cầm. Người thanh niên đang gập mình với những ngón tay lướt trên hàng phím. Từ một góc phòng, tiếng *violon* vẫn quần quýt, dạt dào. Thỉnh thoảng, giữa vài *note* nghỉ, Thu Vân cầm cốc rượu đưa lên môi, xong lại đắm hồn trong âm nhạc, những nỗi niềm chẳng biết gửi về đâu trong trái tim dường như đang thật nghìn trùng xa cách.

Đêm San Jose đột nhiên trở lạnh. Trong óc tôi, lời tâm sự một lần trước đó, “*Tôi tương tư tiếng đàn cô!*” vang lên, cùng lúc với nỗi xót xa riêng. Bây giờ, tiếng đàn của người đàn bà tài hoa này đang tràn ngập chung quanh như một sự chiếm hữu, vậy mà sao cõi lòng tôi chỉ là một nỗi mơ hồ tan nát?

Đêm đã thật khuya. Nguyễn Dũng đã vào phòng ngủ. Chỉ còn Thu Vân với nét cô đơn tỏa đầy trên vóc dáng. Tôi ngồi đối diện, nhìn

người đàn bà nơi chiếc ghế dương cầm, năm ngón trái ghì chặt cần đàn, đầu cúi gục, mái tóc dài phủ kín khuôn mặt. Trong tôi, niềm xót xa bỗng dung tràn ngập. Xót xa cho người và cho cả nỗi đau từ chính trái tim tôi.

Đột nhiên, Thu Vân ngừng đầu, vẻ thật quyết liệt:

“Em đàn cho Chung nghe!... Cho Chung nghe! Chỉ riêng một mình Chung nghe thôi!”

Thế rồi, hát cao cần đàn, cô ghì mạnh cây *archet* trên bốn sợi dây, làm bật lên những âm thanh nghẹn ngào từ trái tim vẫn thường xuyên rỉ máu. Đang từ *Người Đi Qua Đồi Tôi*, cô bắt sang *Nghìn Trùng Xa Cách*. Đang từ *Bàn Tay Dĩ Vãng*, cô nhảy qua *Cổ Xót Xa Đưa* một cách rất *Ngâm Ngùi*. Từng khúc nhạc bỏ dở. Từng điệu hát không tròn. Nơi cô phơi bày rõ một nội tâm đang cực kỳ rối loạn. Trong đêm khuya lạnh vắng, cái vẻ hoảng hốt bao trùm trên cô đã giống như những vò nát trái tim tôi.

“*Có phải không em? Em đang muốn tìm bắt lại một thứ hạnh phúc nào đã ngàn năm mây bay trong tiếng đàn lữ nhịp? Có phải không em? Dĩ vãng nào đang như bóng ma, quay trở về làm chao đảo tâm lòng trong sáng của em?*”

Ruợu đã thật ngấm. Thu Vân buông *violon*, xoay người, gục đầu trên nắp chiếc dương cầm đen bóng.

Nhìn đôi vai gầy co lại trên thân hình yếu đuối, tôi chợt nhận ra nỗi tuyệt vọng mạnh mẽ trong tâm hồn người đàn bà tài hoa nghệ sĩ. Cả cuộc đời trải dài theo những cuộc tình dang dở cùng chuỗi ngày phiêu bạt, suốt chín năm sống đời chồng vợ... vậy mà bây giờ trong tay cô, chẳng còn gì ngoài một nỗi khủng khiếp cô đơn...

Lòng tôi thất lại.

Thì thôi!

“*Ngủ đi em! Em hãy ngủ đi trong cơn mộng bình thường! Tôi sẽ ngày đêm cầu nguyện cho em những giấc ngủ an lành thơ trẻ.*”

Tôi đắp lên người Thu Vân tấm chăn mỏng. Rồi đi vào giường mình, lòng tự nhủ:

“*Sẽ chẳng bao giờ! Chẳng bao giờ tôi còn muốn nghe lại một lần những tiếng đàn bật ra từ trái tim đau khổ của em.*”

Trời bắt đầu sáng.

Phạm Thái Chung.
(Santa Ana, Cali, thứ sáu, 22/10/1999)

□